

Câu 1-10:



Hiển thị đọc



Chia dạng thức phù hợp của động từ trong ngoặc.

1



1. If you want, I _____ (pay) the bill.

Bạn chưa trả lời câu hỏi này



will pay

[Ẩn Giải thích](#)**Câu điều kiện loại 1:**

Ta thấy có If và về If chia hiện tại đơn (want), nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: If + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Nếu bạn muốn, tôi sẽ trả hoá đơn.→ **will pay**

2



2. If she _____ (bring) her books, we will study together.

Bạn chưa trả lời câu hỏi này



brings

[Ẩn Giải thích](#)**Câu điều kiện loại 1:**

Ta thấy có If và về chính chia 'will study' nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: If + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

TAILIEUONTHI.NET

Tạm dịch: Nếu cô ấy mang theo sách, chúng ta sẽ học cùng nhau.

→ **brings**

1



3. If you are busy, I _____ (help) you with the housework.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này



✓ will help

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có If và về If chia hiện tại đơn (are), nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: If + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Nếu bạn bận, tôi sẽ giúp bạn làm việc nhà.

→ **will help**

1



4. You will have an accident if you _____ (not/drive) carefully.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này



✓ do not drive / don't drive

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có If và về chính chia 'will have' nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: If + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Bạn sẽ gặp tai nạn nếu bạn không lái xe cẩn thận.

→ **do not drive / don't drive**

5



5. If he _____ (not/get) up late, he will catch a bus to school.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

 **does not get / doesn't get**

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có If và về chính chia 'will catch' nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: If + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Nếu anh ấy không dậy muộn, anh ấy sẽ bắt được xe buýt tới trường.

→ **does not get / doesn't get**

3



6. If it _____ (rain) tomorrow, we won't go to the beach.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

 **rains**

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có If và về chính chia 'won't go' nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: If + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Nếu ngày mai trời mưa, chúng tôi sẽ không đi biển.

→ **rains**



7. Unless you talk to Mina, you (not/know) _____ her answer.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ will not know / won't know

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có Unless (nếu ... không) và về Unless chia hiện tại đơn (talk), nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: Unless + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Nếu bạn không nói chuyện với Mina, bạn sẽ không biết câu trả lời của cô ấy.

→ **will not know / won't know**



8. Unless she _____ (study) hard, she won't pass the exam.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ studies

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có Unless (nếu ... không) và về chính chia 'won't pass' nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: Unless + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Nếu cô ấy không học chăm chỉ, cô ấy sẽ không vượt qua kỳ thi.

→ **studies**



9. If you don't eat breakfast, you _____ (be) hungry.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ will be

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có If và về If chia hiện tại đơn (don't eat), nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: If + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Nếu bạn không ăn sáng, bạn sẽ bị đói.

→ **will be**

3



10. If I _____ (see) him today, I will give him this book.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này



✓ see

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có If và về chính chia 'will give' nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: If + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Nếu hôm nay tôi gặp anh ấy, tôi sẽ đưa cho anh ấy quyển sách.

→ **see**

Câu 11-20:



Hiện thị đọc ▼

Chọn đáp án đúng.



11. If you _____ much, you will become fat.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ A. eat

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có If và về chính chia 'will become' nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: If + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Nếu bạn ăn nhiều, bạn sẽ béo.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. will eat

TAILIEUONTHI.NET



12. If he goes to university, he _____ to the city.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. move

☒ B. will move

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có If và về if chia ở hiện tại đơn 'goes' nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: If + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Nếu anh ấy đi học đại học, anh ấy sẽ chuyển tới thành phố.

→ **Chọn đáp án B**



13. I _____ you my bike as long as you return it to me tonight.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. have lent

☒ B. will lend

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có as long as (miễn là) và về if chia ở hiện tại đơn 'return' nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: S + can/will V (giữ nguyên) + as long as + S + V (hiện tại đơn)

Tạm dịch: Tôi sẽ cho bạn mượn xe đạp của tôi miễn là bạn trả nó vào tối nay.

→ **Chọn đáp án B**



14. Unless it rains, we _____ camping tomorrow.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. went

☒ B. will go

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có Unless (nếu ... không) và về Unless chia hiện tại đơn (rains), nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: Unless + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Nếu trời không mưa, ngày mai chúng tôi sẽ đi cắm trại.

→ **Chọn đáp án B**



15. I will carry an umbrella in case it _____.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. rains

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có in case (phòng khi) và về chính chia 'will carry' nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: S + will V (giữ nguyên) + in case + S + V (hiện tại đơn)

Tạm dịch: Tôi sẽ mang theo ô phòng khi trời mưa.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. rained



16. We will get lost unless we _____ a map.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. used

☒ B. use

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có Unless (nếu ... không) và về chính chia 'will get', nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: Unless + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Chúng ta sẽ bị lạc nếu chúng ta không sử dụng bản đồ.

→ **Chọn đáp án B**



17. You can watch TV as long as you _____ your homework.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. finish

[Ẩn Giải thích](#)**Câu điều kiện loại 1:**

Ta thấy có as long as (miễn là) và về chính chia 'can watch' nên ta dùng câu điều kiện loại 1.
Cấu trúc: S + can/will V (giữ nguyên) + as long as + S + V (hiện tại đơn)

Tạm dịch: Con có thể xem TV miễn là con làm xong bài tập về nhà.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. finished



18. If I drink beer, I _____ home.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. didn't drive

☒ B. won't drive

[Ẩn Giải thích](#)**Câu điều kiện loại 1:**

Ta thấy có If và về if chia ở hiện tại đơn 'drink' nên ta dùng câu điều kiện loại 1.
Cấu trúc: If + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Nếu tôi uống bia, tôi sẽ không lái xe về nhà.

→ **Chọn đáp án B**



19. They _____ the match unless it stops snowing.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. will cancel

[Ẩn Giải thích](#)**Câu điều kiện loại 1:**

Ta thấy có Unless (nếu ... không) và về Unless chia hiện tại đơn (stops), nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: Unless + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Họ sẽ huỷ trận đấu nếu tuyết ngừng rơi.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. cancelled



20. If my father _____ free this weekend, he will take us to the zoo.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. was

☒ B. is

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 1:

Ta thấy có If và về chính chia 'will take' nên ta dùng câu điều kiện loại 1.

Cấu trúc: If + S + V (hiện tại đơn), S + will V (giữ nguyên)

Tạm dịch: Nếu bố tôi rảnh vào cuối tuần này, ông sẽ dẫn chúng tôi đi sở thú.

→ **Chọn đáp án B**

TAILIEUONTHI.NET